TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lương Ngọc Biên; Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1992, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố số 01, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Tổ dân phố 1, thị trấn Ph, huyện Ph, thành phố Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị Trần Thị Minh T trình bày:*** Chị và anh Nguyễn Văn A lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng chị có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND thị trấn N (nay là thị trấn Nh), huyện Yên Dũng ngày 05/9/2013, sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng ở tại Tổ dân phố số 01, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời

gian đầu đã không có hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh bắt đầu từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Văn A không chịu làm ăn, chơi bời, kinh tế khó khăn, năm 2018 chị đi Nhật Bản, một năm chị có về Việt Nam hai lần, đến tháng 11 năm 2021 chị về Việt Nam. Thời gian chị ở Nhất Bản anh Văn A không quan tâm gì, những lần gọi điện thoại cho chị chỉ bảo chị gửi tiền về. Khi chị về Việt Nam chị không về nhà chồng chung sống vì giữa chị và anh Văn A đã có mâu thuân không thể hòa giải được. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kể từ tháng 9 năm 2020, do mâu thuẫn về kinh tế, anh Văn A chặn số điện thoại của chị, không liên lạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn găn được vì giữa chị và anh Văn A không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn A càng sớm càng tốt để chị còn ổn định cuộc sống. Chị đề nghị Tòa án không hòa giải.

+ Về con chung: Chị và Văn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Anh B, sinh ngày 15/3/2014, hiện nay cháu đang ở với anh Văn A. Từ khi chị đi Nhật Bản đến nay cháu Bảo do anh Văn A nuôi dưỡng, hiện nay anh Văn A không cho chị chăm nom con. Khi ly hôn chị đồng ý để cho anh Văn A nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, thời gian chung sống với gia đình nhà chồng chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà chồng, chị không có yêu cầu gì.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ

- Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn A do bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn A nhận thay theo quy định pháp luật nhưng anh Văn A không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

**** Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Trần Anh B trình bày:*** Cháu tên là Nguyễn Trần Anh B, sinh ngày 15/3/2014, cháu là con bố Nguyễn Văn A, mẹ là Trần Thị Minh T, cháu hiện tại đang học lớp 2A6, trường Tiểu học thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, cháu đang ở cùng với bố và ông bà nội. Bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố và ông bà nội.

**** Tài liệu Tòa án thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2021, bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn A cung cấp: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Minh T kết

hôn năm 2013, sau khi cưới anh Văn A và chị T về sinh sống cùng với gia đình bà. Quá trình chung sống giữa anh Văn A và chị T có phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau sau lại thôi. Năm 2018 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, trong thời gian ở Nhật Bản chị T có về thăm gia đình một đến hai lần trong một năm, khoảng từ cuối năm 2020 chị T cắt đứt liên lạc với gia đình bà, khi về Việt Nam chị T cũng không về chung sống với anh Văn A. Hiện tại anh Văn A đi làm công ty, gia đình bà nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Văn A, bà đã giao lại cho anh Văn A. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Văn A thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, gia đình nhận thấy giữa chị T và anh Văn A khả năng đoàn tụ là không còn. Về con chung chị T và anh Văn A có một con chung là cháu Nguyễn Trần Anh B, sinh ngày 15/3/2014, hiện nay cháu B đang ở với anh Văn A, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T và anh Văn A ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giao con chung là cháu B cho anh Văn A nuôi dưỡng vì từ năm 2018 chị T đi lao động tại Nhật Bản đều do anh Văn A chăm sóc. Về tài sản chung và công nợ gia đình không biết, thời gian chị T và anh Văn A chung sống với gia đình tôi không đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình bà.

+ Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2021 ông Phùng Văn T tổ trưởng tổ dân phố 1, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Minh T có hộ khẩu tại địa phương do ông quản lý, anh Văn A và chị T chung sống cùng với bố mẹ anh Văn A từ năm 2013. Năm 2018 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thỉnh thoảng địa phương thấy chị T có về địa phương, khoảng một năm nay địa phương không thấy chị T về chung sống cùng với anh Văn A. Anh Văn A không có nghề nghiệp ổn định, anh Văn A làm gì địa phương không rõ, hiện tại địa phương vẫn thấy anh Văn A có mặt ở nhà. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Văn A, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị T và anh Văn A có một con chung hiện đang sống cùng với anh Văn A.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Văn A vắng mặt không có lý do.

- Ngày 10/01/2022, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là anh Nguyễn Văn A vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

- Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn A tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy

định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T và xử cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn A. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Anh B, sinh ngày 15/3/2014 cho anh Nguyễn Văn A nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại gia đình và địa phương thì hiện tại anh Nguyễn Văn A đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh Văn A tại địa chỉ tổ dân phố số 1, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Theo bà Nguyễn Thị S là mẹ để anh Văn A cũng như địa phương cung cấp anh Văn A hiện tại có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tòa án đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật, anh Văn A đều biết. Như vậy xác định anh Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử vắng mặt anh Văn A là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn A kết hôn ngày 05/9/2013 tại UBND thị trấn N (Nay là thị trấn Nh), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn N (Nay là thị trấn Nh), huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị T và anh Văn A là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh bắt đầu từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Văn A không chịu làm ăn, chơi bời. Mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Văn A trầm trọng kể từ tháng 9 năm 2020, anh Văn A chặn số điện thoại của chị T, không liên lạc với chị T. Khi chị Tâm về Việt Nam chị T không về nhà anh Văn A chung sống vì giữa chị T và

anh Văn A đã có mâu thuân không thể hòa giải được. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh Văn không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định anh Văn A không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tâm và anh Văn A có con chung là cháu Nguyễn Trần Anh B, sinh ngày 15/3/2014 khi ly hôn chị T đồng ý để anh Văn A nuôi con thì thấy: Hiện cháu Bảo đang chung sống với anh Văn A và nguyện vọng của cháu Bảo là muốn được ở với bố. Để đảm bảo suộc sống sinh hoạt của cháu B được ổn định và theo nguyện vọng của cháu B, do vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu B cho anh Nguyễn Văn A nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Chị Tâm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Anh B, sinh ngày 15/3/2014 cho anh Nguyễn Văn A nuôi dưỡng, chăm sóc.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0009331 ngày 22/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng,
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng,
- UBND thị trấn Nh, huyện Yên Dũng,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngọ Thị Thanh Hảo